

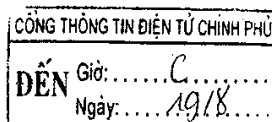
TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~1396~~/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chiến lược công nghiệp hóa
của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản
đến năm 2020, tầm nhìn 2030



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 08/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 2 năm 2012 của Chính phủ về Quy chế làm việc của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 34/2007/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2007 về việc ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 1043/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản đến năm 2020, tầm nhìn 2030 gồm:

1. Trưởng ban: Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải;
2. Phó Trưởng ban: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
3. Các Ủy viên:
 - Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - Thứ trưởng Bộ Tài chính;
 - Thứ trưởng Bộ Công Thương;
 - Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
 - Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;
 - Thứ trưởng Bộ Ngoại giao;

- Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

4. Các Ủy viên mời:

- Thứ trưởng Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản;

- Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Nhật Bản tại Việt Nam.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo và phối hợp giải quyết những công việc liên quan đến thực hiện Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030, cụ thể:

1. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành xây dựng và hướng dẫn cơ chế, chính sách có liên quan về phát triển các ngành công nghiệp trong Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

2. Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng chương trình hành động triển khai Kế hoạch hành động phát triển các ngành công nghiệp đã được ban hành theo Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

3. Nghiên cứu, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030 và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các biện pháp xử lý thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

4. Hợp tác với phía Nhật Bản nhằm xúc tiến đầu tư của các doanh nghiệp Nhật Bản vào các ngành công nghiệp trong Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

5. Giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả việc thực hiện mục tiêu phát triển các ngành công nghiệp được lựa chọn để tập trung phát triển theo kế hoạch đề ra.

6. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nhằm tháo gỡ các vấn đề về quy định, thủ tục, các vấn đề có tính liên ngành nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư và hoạt động trong các ngành công nghiệp được lựa chọn trong Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Điều 3. Ban Chỉ đạo có quyền hạn:

1. Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ quyết định những cơ chế, chính sách và giải pháp cụ thể thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong quá trình tổ chức triển khai phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm được xác định. Định kỳ 06 tháng 01 lần báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các nội dung liên quan và kiến nghị giải pháp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các nội dung vượt quá thẩm quyền.

2. Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo được quyền ký các văn bản chỉ đạo, sử dụng con dấu của Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng, Phó Trưởng ban và Bộ trưởng, ủy viên Ban Chỉ đạo ký các văn bản chỉ đạo, sử dụng con dấu của Bộ, cơ quan mình phụ trách.

Điều 4. Chế độ làm việc của Ban Chỉ đạo:

Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu.

Điều 5. Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo.

Điều 6. Quy chế và tổ chức hoạt động của Ban Chỉ đạo:

1. Trưởng Ban Chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên của Ban Chỉ đạo. Ban Chỉ đạo được mời các chuyên gia trong và ngoài nước để tham khảo ý kiến khi cần thiết.

2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định kiện toàn và quy định nhiệm vụ của Tổ công tác Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Tổ Công tác được mời các chuyên gia trong và ngoài nước để tham khảo ý kiến khi cần thiết.

3. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ công tác Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030 do ngân sách nhà nước bảo đảm, được tổng hợp trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và được quản lý, thanh toán, quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 7. Quyết định này thay thế Quyết định số 1075/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

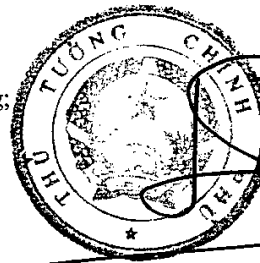
Điều 9. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh sách cụ thể các Ủy viên Ban Chỉ đạo (theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 1) trên cơ sở đề xuất của các Bộ, cơ quan tham gia Ban Chỉ đạo và thông báo của phía Nhật Bản.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các thành viên quy định tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, KGVX, KTN, V.III, ĐMDN, KTTH, PL, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (3b). 354

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng